TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36**/2020/DS-ST
Ngày: 16-7-2020
V/v:*"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Ông Vũ Quyền Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020, về "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 575/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm H;**

Địa chỉ: 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hàng Cầu, phường Ô, quận Đ, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng D- Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Trương Thị Minh T, sinh năm 1981 (Văn bản uỷ quyền ngày 25/9/2019)

2. *Bị đơn*: Ông **Phạm Thanh P**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: 163/6, Hoàng Bá Bích, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Văn Đ,** sinh năm 1969;

Địa chỉ: 163/6, Hoàng Bá Bích, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(*Bà T có đơn xin vắng mặt; ông P và ông Đ vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T trình bày:

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2018, Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm H (gọi tắt là công ty Bảo hiểm) và ông Phạm Thanh P (gọi tắt là ông P) có ký Hợp đồng Lao động có xác định thời hạn 12 tháng. Công việc ông P đảm nhận là khai thác bảo hiểm tại Đông Nam Bộ. Trong quá trình ông P làm việc, ngày 17/12/2018, qua công tác kiểm tra giám sát và đối chiếu thông tin từ khách hàng công ty Bảo hiểm đã phát hiện hành vi chiếm dụng phí của ông Phạm Thanh P là 259.495.775đồng. Sau khi phát hiện vụ việc công ty Bảo hiểm đã tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc và ông P có xác nhận vào Biên bản trên, đồng thời ông P có xin được gia hạn thời gian để hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Bên cạnh đó, bố ruột của ông P là ông Phạm Văn Đ cũng có văn bản cam kết cùng có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền ông P đang còn nợ công ty Bảo hiểm. Từ ngày 17/12/2018 đến tháng 5/2019, ông P và ông Đ đã trả cho công ty Bảo hiểm được số tiền 130.0000.000đồng rồi không trả thêm khoản tiền nào khác.

Sau nhiều lần yêu cầu ông P trả lại tiền nợ nhưng không được. Tại đơn khởi kiện công ty Bảo hiểm khởi tại cầu Tòa án nhân dân Thành phố B yêu cầu ông Phạm Thanh P phải trả số tiền gốc là 129.495.775đồng; tiền lãi là 13.694.398đồng; bồi thường tổn thất cho khách hàng mà công ty phải thực hiện là 28.726.500đồng. Tổng cộng ông P phải trả số tiền 171.916.673đồng.

Ngày 13/5/2020, công ty Bảo hiểm đã rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông P trả lãi là 13.694.398đồng và rút yêu cầu trả tiền gốc 36.788.725đồng. Tổng cộng công ty chỉ yêu cầu ông P phải trả tiền nợ gốc là 92.707.000đồng; bồi thường tổn thất cho khách hàng mà công ty phải thực hiện là 28.726.500đồng. Tổng cộng cả hai khoản 121.433.500đồng (*Một trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng)*.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Phạm Thanh P, Phạm Văn Đ đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Phạm Thanh P, Phạm Văn Đ vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được

thực hiện đúng quy định. Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty bảo hiểm H. Buộc ông Phạm Thanh P phải trả cho Tổng công ty bảo hiểm H số tiền còn thiếu theo cam kết nhận nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng ông P, ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tổng công ty bảo hiểm H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh P phải trả lại số tiền bảo hiểm đã thu của khách hàng là 121.433.500đồng nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Đòi lại tài sản".

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tổng công ty bảo hiểm H và ông Phạm Thanh P có ký hợp đồng Hợp đồng lao động số 18/00627/HĐLD ngày 31/10/2018. Theo hợp đồng hai bên thỏa thuận ông P sẽ khai thác bảo hiểm tại Đông Nam Bộ hỗ trợ cung cấp thông tin về những người có nhu cầu sử dụng sản phẩm bảo hiểm, đôn đốc và thu giúp phí bảo hiểm của khách hàng cho công ty Bảo hiểm. Quá trình thực hiện hợp đồng ông P đã thu phí bảo hiểm của khách hàng với tổng số tiền là 259.495.775đồng nhưng không nộp lại cho công ty. Trong tổng số tiền bảo hiểm ông P đã thu ở trên thì công ty bảo hiểm phải bồi thường tai nạn cho 02 khách hàng do đối tượng bảo hiểm gây ra tai nạn tổng cộng hết 28.726.500đồng, hiện ông P vẫn chưa trả lại số tiền bồi thường này. Nay Tổng công ty bảo hiểm H khởi kiện yêu cầu ông P phải trả lại số tiền nợ gốc là 92.707.000đồng và tiền bồi thường thiệt hại cho khách hàng theo quy định của pháp luật là có cơ sở. Bởi lẽ, căn cứ vào Bản tường trình ngày 17/12/2018 của ông P, Bản công nợ chi tiết về số tiền mà ông P đã thu của khách hàng từ ngày 31/10/2018 đến 17/12/2018 có chữ ký xác nhận cán bộ khai thác là ông Phạm Thanh P, trưởng phòng nghiệp vụ Hoàng Trung A và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 17/12/2018 có đại diện công ty Bảo hiểm, ông P ký xác nhận đã xác định từ ngày 31/10/2018 đến ngày hai bên xác nhận công nợ ông P đã thu phí bảo

hiểm của khách hàng với tổng số tiền 259.495.775đồng nhưng ông P chưa nộp lại số tiền trên cho công ty bảo hiểm. Sau khi xác nhận công nợ, ông P trả được số tiền gốc 166.788.775đồng, hiện còn nợ lại tiền gốc 92.707.000đồng. Mặt khác tại Điều 15 và khoản 2 Điều 21 Quyết định 262/QĐ-BHHK ngày 11/6/2018 "*Quy định về quản lý công nợ phải thu phí bảo hiểm"* do Công ty bảo hiểm ban hành thể hiện rõ "Cán bộ khai thác phải bồi hoàn 100% số tiền Tổng công ty Bảo hiểm H phải bồi thường cho khách hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày chi trả cho khách hàng … nếu Cán bộ khai thác không nộp hoặc quá thời hạn nộp phí bảo hiểm cho VNI", căn cứ vào hồ sơ thể hiện ông P đã không nộp phí bảo hiểm đúng thời hạn nên phải chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất cho khách hàng mà công ty phải thực hiện là 28.726.500đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng ông P vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt, do vậy nên xem như ông P đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Bảo hiểm. Buộc ông Phạm Thanh P phải trả cho Tổng công ty Bảo hiểm số tiền nợ gốc là 92.707.000đồng; tiền bồi thường cho khách hàng là 28.726.500đồng. Tổng cộng ông P phải trả số tiền khoản 121.433.500đồng (*Một trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng).* Tổng công ty Bảo hiểm không yêu cầu Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn Đ có trách nhiệm liên đới cùng ông P trả nợ nên không đặt ra giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc là 36.788.725đồng và lãi là 13.694.398đồng do nguyên đơn rút đơn 1 phần yêu cầu khởi kiện.

[4] Về án phí DSST:

Ông Phạm Thanh P phải chịu 6.071.675đồng *(Sáu triệu, không trăm bảy mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).*

Tổng công ty bảo hiểm H được nhận lại số tiền 4.300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 007631 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố B.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 166, Điều

328 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Bảo hiểm H. Buộc ông Phạm Thanh P trả cho Tổng công ty Bảo hiểm H số tiền khoản 121.433.500đồng (*Một trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm đồng).*

2. Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Phạm Thanh P phải trả số tiền gốc là 36.788.725đồng và lãi là 13.694.398đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí DSST:

- Ông Phạm Thanh P phải chịu 6.071.675đồng *(Sáu triệu, không trăm bảy mốt nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).*

- Tổng công ty bảo hiểm H được nhận lại số tiền 4.300.000đồng *(Bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 007631 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố B.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.B;
- Lưu hồ sơ vụ án. .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Xuân

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với ông Phạm Thanh Phương, Phạm Văn Đông nhưng căn cứ vào hợp đồng cung cấp dịch vụ số 64/2016/ HĐDV ngày 15 tháng 11 năm 2016, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 13/3/2017 và các chứng cứ khác thể hiện tại hồ sơ, nhận thấy đã có đủ cơ sở xác định vào ngày 13/3/2017 giữa Tổng công ty bảo hiểm PVI và ông Phạm Thanh Phương, Phạm Văn Đôngcó ký hợp đồng cung cấp dịch vụ số 64/2016/ HĐDV với nội dung ông Phương sẽ hỗ trợ cung cấp thông tin về những người có nhu cầu sử dụng sản phẩm bảo hiểm, đôn đốc và thu giúp phí bảo hiểm của khách hàng cho Bảo hiểm PVI. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ thời gian 14/01/2017 đến ngày 08/3/2017, ông Phương đã thu phí bảo hiểm của khách hàng tổng cộng 20 lần với tổng số tiền là 84.765.600đồng. Tuy nhiên, sau khi thu phí của khách hàng ông Phương đã không nộp lại cho công ty nên đã vi phạm quy định, quy trình làm việc là căn cứ chấp dứt hợp đồng và trong thời hạn 07 ngày trước khi chấm dứt hợp đồng. Ngày 13 tháng 3 năm 2017, đại diện tổng công ty PVI và ông Phương đã đối chiếu công nợ và lập biên bản đối chiếu công nợ. Theo đó, ông Phương xác nhận công nợ đã thu tiền khách hàng nhưng chưa nộp lại tiền cho Bảo hiểm PVI với tổng số tiền 84.765.600đồng. Cùng ngày ông Phương đã tự lập bản tường trình thừa nhận chưa nộp lại số tiền 84.765.600đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng ông Phương vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt, do vậy nên xem như ông Phương đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Bảo hiểm PVI. Buộc ông Phạm Thanh Phương, Phạm Văn Đôngphải trả cho Tổng công ty Bảo hiểm PVI số tiền 93.241.500đồng (trong đó gốc là 84.765.000đồng và lãi là 8.476.500đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phan Thị lệ Phong vắng mặt tại phiên thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Xuân